

Nguồn lực di sản văn hoá trong phát triển hiện nay

Nguyễn Thị Phương Cham*

Nhận ngày 10 tháng 6 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 8 năm 2025.

Tóm tắt: Hệ thống di sản văn hoá của Việt Nam rất phong phú, tạo ra một dạng nguồn lực đặc biệt là nguồn lực di sản văn hoá. Trong phát triển xã hội toàn diện, nhân văn và bền vững, nguồn lực di sản văn hoá có vai trò quan trọng, không chỉ tạo ra sự tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường, gia tăng gắn kết xã hội, tạo dựng hoà bình, mà còn bồi dưỡng tinh thần yêu nước, nhân văn, tự hào về quê hương, trân trọng các sáng tạo văn hoá của các thế hệ đi trước,... Khi có sự nhìn nhận đúng về nguồn lực di sản văn hoá và biết cách khai thác, vận hành, bảo vệ và phát huy thì nguồn lực này sẽ phục vụ tốt cho phát triển, khi coi di sản văn hoá chỉ là nguồn lợi để khai thác thì nguồn lực này sẽ nhanh chóng cạn kiệt. Vì vậy, nhận diện và phân tích chính xác về nguồn lực di sản văn hoá trong phát triển hiện nay là vô cùng cần thiết.

Từ khoá: Di sản văn hoá, nguồn lực di sản văn hoá, phát triển, văn hoá và phát triển.

Phân loại ngành: Văn hoá

Abstract: Vietnam's cultural heritage system is very rich, creating a special type of resource, which is cultural heritage resource. To develop a comprehensive, humane and sustainable society, cultural heritage resources play an important role, not only creating economic growth, protecting the environment, increasing social cohesion, building peace, but also fostering patriotism, humanity, pride in the homeland, respecting the cultural creations of previous generations, etc. When there is a correct perception of cultural heritage resources and knowing how to utilize, operate, protect and promote them, these resources will serve development well. When cultural heritage is considered only as a source of profit to be exploited, these resources will quickly be exhausted. Therefore, identifying and accurately analyzing cultural heritage resources in current development is extremely necessary.

Keywords: Cultural heritage, cultural heritage resources, development, culture and development.

Subject classification: Culture

1. Mở đầu

Nguồn lực là một khái niệm có nội hàm rộng, mở và được sử dụng linh hoạt theo từng góc nhìn và từng quan điểm khác nhau. Theo tác giả Đoàn Minh Huân (2022) “Nguồn lực là toàn bộ tài sản, tài nguyên, sức mạnh vốn có sẵn sàng đưa vào sử dụng hoặc dự trữ để phục vụ cho sản xuất và đời sống con người. Đối với một quốc gia, một địa phương, hoặc một doanh nghiệp, nguồn lực được hiểu là toàn bộ tài nguyên thiên nhiên, tài sản quốc gia, vị trí địa lý, quy mô thị trường, vốn, trình độ khoa học - công nghệ, sức mạnh văn hóa, con người, thể chế chính trị... tạo lợi thế, sức cạnh tranh của quốc gia, của địa phương, của doanh nghiệp trong quản lý và phát triển”. Nguồn lực thường được gắn với phát triển, nhất là khi xem xét các yếu tố làm nên sự phát triển của một nền kinh tế, một địa phương hay một đất nước: “nguồn lực là tổng hợp các yếu tố vật thể và phi vật thể tạo nên nền kinh tế của một đất nước và thúc đẩy nó phát triển” (Lê Du Phong, 2005: 12) hay “Nguồn lực phát triển là các yếu tố tạo thành vốn (theo nghĩa rộng bao gồm cả lao động) hay các yếu tố đầu vào cho

* Viện Nghiên cứu Văn hoá, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: ngphuongcham@gmail.com

nền kinh tế” (Nguyễn Hoàng Hà, 2014). Nguồn lực cũng còn được gọi tên theo từng loại hình cụ thể, như nguồn lực con người, nguồn lực văn hoá, nguồn lực thể chế, nguồn lực tài chính, nguồn lực thương hiệu, nguồn lực tri thức, nguồn lực công nghệ, nguồn lực thông tin,... Trong đó, văn hoá mà trọng tâm là di sản văn hoá là một dạng nguồn lực đặc biệt bao gồm tổng hoà các yếu tố từ con người đến các mối quan hệ tương tác, từ các dạng tài nguyên đến các sản phẩm văn hoá. Chính vì vậy, nguồn lực di sản văn hoá hiện nay được nhìn nhận là có vai trò quan trọng trong phát triển và tạo dựng một xã hội nhân văn và giàu bản sắc.

Di sản văn hoá và phát triển đã được các nhà khoa học từ nhiều ngành (như Di sản học, Văn hoá học, Nhân học, Việt Nam học, Quản lý văn hoá,...) quan tâm nghiên cứu. Các công trình nghiên cứu tiêu biểu như: *Defining the Scope of the Term Intangible Cultural Heritage* (Peter Seitel, UNESCO headquarters, Paris, 2002); *Appropriating culture - the politics of intangible cultural heritage in Vietnam* (Oscar Salemink, in State, Society and the Market in Contemporary Vietnam: Property, power, values, Ho Hue Tam and Mark Sidel edited, New York: Routledge, 2012); *Described, Inscribed, Written Off: Heritagisation as (Dis)connection* (Oscar Salemink, Connected and Disconnected in Viet Nam: Remaking Social Relations in a Post-socialist Nation, 2016, pp. 311-346 (36 pages); *Di sản văn hoá trong xã hội Việt Nam đương đại* (Lê Hồng Lý, Nguyễn Thị Phương Châm, Nxb. Tri thức, 2014); *Bảo tồn và phát huy di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam* (Viện Văn hoá thông tin, 2005); *Biện pháp bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể - Di sản văn hoá - Bảo tồn và phát triển* (Lê Thị Minh Lý, Nxb. Tổng hợp, 2008),...

Các công trình nghiên cứu chủ yếu tập trung vào các vấn đề lý luận về di sản văn hoá và phát triển, về đa dạng các thực hành di sản văn hoá cụ thể và về bảo vệ, phát huy di sản văn hoá trong bối cảnh phát triển hiện nay. Tuy nhiên, nhìn di sản văn hoá dưới dạng nguồn lực cho phát triển là góc nhìn mới, được tập trung đề cập nhiều hơn từ sau Đại hội XIII của Đảng với định hướng từ văn kiện là đề cao việc giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, trong đó có di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, coi đây là nguồn lực để xây dựng và phát triển văn hóa. Từ đó, thuật ngữ nguồn lực di sản văn hoá dần trở nên quen thuộc trên các diễn đàn và trong nghiên cứu, chủ đề của Ngày Di sản Văn hoá Việt Nam năm 2023 là “Di sản văn hoá Việt Nam - nguồn lực hội nhập và phát triển”. Tiếp nối góc nhìn mới này và sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp nguồn tư liệu sơ cấp và thứ cấp thu thập được trong nhiều năm nghiên cứu về di sản văn hoá, bài viết¹ cung cấp một góc nhìn khái quát về nguồn lực di sản văn hoá, từ đó đi sâu phân tích vai trò, ý nghĩa của nguồn lực di sản văn hoá trong phát triển kinh tế và phát triển bền vững nhằm khẳng định nguồn lực di sản văn hoá là một dạng nguồn lực đặc biệt, có ý nghĩa to lớn trong phát triển và có thể tạo nên những kỳ tích trong kỷ nguyên mới của đất nước.

2. Khái quát về nguồn lực di sản văn hoá

Từ góc nhìn nguồn lực gắn với phát triển, nguồn lực được phân chia thành nhiều dạng, có nguồn lực tự nhiên (điều kiện địa lý, tài nguyên,...) và phi tự nhiên (thể chế, nhân lực,...); có nguồn lực vật chất (hàng hoá, trang thiết bị,...) và nguồn lực tinh thần (ý tưởng, sự ủng hộ,...); có nguồn lực hữu hình (tiền, cơ sở hạ tầng,...) và nguồn lực vô hình (thương hiệu, uy tín,...); có nguồn lực nội sinh (tài nguyên, văn hoá,...) và nguồn lực ngoại sinh (sự phân phối toàn cầu, công nghệ mới,...). Trong đó, nguồn lực di sản văn hoá là tổng hoà của các yếu tố con

¹ Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài "Hiểu về mối quan hệ giữa di sản và phát triển ở Việt Nam từ góc tiếp cận đa chiều", Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ quốc gia (Nafosted) tài trợ, mã số: IZVSZ1.202714, GS.TS. Nguyễn Thị Hiền làm Chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Văn hoá là cơ quan chủ trì thực hiện.

người, các tương tác văn hoá và sản phẩm văn hoá, bao gồm đầy đủ cả các yếu tố vật chất và tinh thần, hữu hình và vô hình, nội sinh và ngoại sinh, góp phần tạo ra nền tảng cho sự phát triển.

Theo Luật Di sản văn hoá năm 2001 thì di sản văn hoá là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác (Quốc hội, 2001). Tiếp tục cách hiểu này, Luật Di sản văn hoá năm 2024 xác định rõ *Di sản văn hóa phi vật thể* là tri thức, kỹ năng, tập quán, biểu đạt văn hóa cùng đồ vật, đồ tạo tác, không gian liên quan được cộng đồng, nhóm người, cá nhân thực hành, trao truyền qua nhiều thế hệ và hình thành nên bản sắc văn hóa của họ, không ngừng được trao truyền, bảo vệ, tái tạo, sáng tạo, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học. *Di sản văn hóa vật thể* là sản phẩm vật chất có một, một số hoặc tất cả giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ, bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (Quốc hội, 2024). Xác định như vậy, di sản văn hoá bao quát một phạm vi rộng với nhiều loại hình, thành tố. Thêm vào đó, Việt Nam là đất nước sở hữu sự đa dạng sinh thái, đa dạng tộc người và đa dạng các biểu đạt văn hoá. Thực tế này càng tạo ra sự đa dạng cho di sản văn hoá và theo đó là sự đa dạng, phong phú của nguồn lực di sản văn hoá.

Nguồn lực di sản văn hoá được tạo dựng trên cơ sở nền tảng của các di sản văn hoá. Hệ thống di sản văn hoá của Việt Nam vô cùng phong phú, có thể kể tới là *hệ thống các di tích (di tích khảo cổ học, di tích lịch sử, di tích tôn giáo tín ngưỡng, di tích kiến trúc nghệ thuật, ...)*; *Hệ thống các bảo tàng, nhà lưu niệm, bộ sưu tập*; *Hệ thống các danh lam thắng cảnh*; *Hệ thống chợ phiên, chợ quê*; *Hệ thống Lễ hội dân gian*; *Các phong tục, nghi lễ liên quan đến vòng đời người*; *Các phong tục, nghi lễ liên quan đến lịch tiết*; *Không gian cảnh quan*; *Đời sống văn hoá các cộng đồng làng/bản/buôn*; *Văn hoá ẩm thực*; *Văn hoá trang phục*; *Các sinh hoạt nghệ thuật*; *Hệ thống tri thức dân gian, ...* Các di sản này lại được phân bố khắp các vùng miền, tộc người trên đất nước và ở mỗi nơi lại có những nét riêng độc đáo. Ví như chỉ riêng chợ đã có rất nhiều loại hình gắn với đặc trưng của từng địa phương, tộc người: *chợ truyền thống, chợ quê, chợ cóc, chợ đầu mối, chợ phiên, chợ âm phủ, chợ cầu may, chợ tình, chợ nổi, chợ đêm, ...* và đa dạng các loại chợ gọi theo tên các loại hàng hoá chính được bán như: *chợ cá, chợ trâu, chợ chiều, chợ nón, chợ hoa, ...* hay không gian cảnh quan làng cũng có: *làng vùng núi, làng vùng trung du, làng vùng châu thổ, làng vùng sông nước, làng biên, làng đảo, làng cổ, làng mới, làng nghề, ...* cùng phong phú các loại hình làng gắn với đặc trưng riêng về nghề nghiệp của dân làng như: *làng gốm, làng lụa, làng hoa, làng tranh, làng văn, làng võ, làng buôn, ...* Đi cùng với sự đa dạng, phong phú đó của các di sản văn hoá là sự đa dạng, phong phú của các nguồn lực di sản văn hoá được tạo ra. Mỗi một loại hình di sản hoặc các di sản cụ thể của từng địa phương, tộc người lại tạo ra những dạng nguồn lực khác nhau mang dấu ấn riêng biệt.

Nguồn lực di sản không tự nhiên sinh ra, cũng không sẵn có, không phải cứ có di sản văn hoá là có nguồn lực di sản mà muốn có nguồn lực này phải có quá trình phát hiện, tạo dựng và vận hành với sự tham gia của nhiều bên liên quan, từ các cơ quan quản lý, các nhà nghiên cứu, các nhà làm kinh tế, chính sách và các chủ thể di sản văn hoá. Có nhiều địa phương sở hữu rất nhiều di sản văn hoá quý giá song lại không tạo dựng và phát huy được nguồn lực này. Một số địa phương lại khai thác các di sản một cách quá mức theo hướng thương mại hoá quá nhanh nên sau một thời gian nguồn lực di sản đó bị suy giảm và di sản không còn là di sản theo đúng nghĩa nữa. Cũng lại có không ít địa phương phát huy nguồn lực di sản văn hoá mà không quan tâm đúng mức đến chủ thể di sản văn hoá và đã gây ra sự mâu thuẫn giữa các bên dẫn tới những hệ lụy không mong muốn. Vì vậy để có thể tạo ra nguồn lực di sản, luôn cần một quá trình với sự chia sẻ giữa các bên từ chia sẻ về sự tham gia cho tới chia sẻ về phương thức duy trì, vận hành và chia sẻ lợi ích.

Nguồn lực di sản văn hoá không tồn tại độc lập mà luôn có sự tương tác mang tính tương liên với những dạng nguồn lực khác, ví như nguồn lực di sản văn hoá luôn gắn bó và tương tác với nguồn lực tự nhiên, nguồn lực biểu tượng, nguồn lực công nghệ, nguồn lực tài chính,... Các nguồn lực này liên kết với nhau, tác động lẫn nhau, bổ trợ cho nhau và giúp gia tăng giá trị cho nguồn lực di sản văn hoá.

Trong phát triển một xã hội toàn diện và bền vững, nguồn lực di sản văn hoá có vai trò vô cùng quan trọng, không chỉ tạo ra sự tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường, gia tăng gắn kết xã hội, tạo dựng hoà bình, mà còn bồi dưỡng tinh thần yêu nước, nhân văn, tự hào về quê hương, trân trọng các sáng tạo văn hoá của các thế hệ đi trước,... Trong nhiều trường hợp, một di sản văn hoá cũng đã đủ tạo nên nguồn lực phát triển cho địa phương, ví như đền Hùng ở Phú Thọ, đền Bà Chúa Kho ở Bắc Ninh, quần thể danh thắng Tràng An ở Ninh Bình, quần thể di tích và danh thắng Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng ở Quảng Bình, phố cổ Hội An ở Quảng Nam,...

Hiện nay, Đảng và Nhà nước rất quan tâm tới nguồn lực di sản văn hoá. Chính sách về bảo vệ và phát huy di sản văn hoá, phát triển công nghiệp văn hoá, phát triển kinh tế di sản của nhà nước cũng tạo ra và củng cố thêm sức mạnh cho nguồn lực di sản văn hoá. Theo thống kê của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch, năm 2024 đã có tới hơn 200 văn bản liên quan đến di sản văn hoá được các cấp chính quyền ban hành trong hơn 10 năm qua. Luật Di sản văn hoá ra đời năm 2001, được sửa đổi năm 2009 và năm 2024 đã thích ứng được với bối cảnh xã hội đương đại và những nhận thức mới về văn di sản văn hóa. Hàng loạt các Đề án, Chiến lược, Chương trình đã ra đời thúc đẩy công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hoá, như: *Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016-2020*, *Đề án bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020*; *Đề án kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản văn hóa truyền thống điển hình của các dân tộc thiểu số Việt Nam giai đoạn 2017-2020*; *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*; *Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025-2035*,...

3. Nguồn lực di sản văn hoá trong phát triển kinh tế

Theo thống kê của Cục Di sản văn hoá, hiện nay, trên cả nước có hơn 40.000 di tích và khoảng gần 70.000 di sản văn hóa phi vật thể được kiểm kê, trong đó có: 34 di sản được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) ghi danh (gồm 08 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, 16 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh và 10 di sản tư liệu được Chương trình Ký ức Thế giới của UNESCO ghi danh); 138 di tích quốc gia đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng, 3.653 di tích quốc gia, 11.232 di tích cấp tỉnh, 589 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; Có 294 hiện vật, nhóm hiện vật được Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia, toàn quốc có 203 bảo tàng gồm 127 bảo tàng công lập và 76 bảo tàng ngoài công lập, lưu giữ và trưng bày trên 4 triệu tài liệu hiện vật, trong đó có nhiều sưu tập, hiện vật đặc biệt quý hiếm (Diệp Anh, 2024). Bên cạnh đó, theo số liệu từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường, nước ta hiện có khoảng 5.400 làng nghề, trong đó có 2.000 làng nghề truyền thống. Sự đa dạng, phong phú của di sản văn hoá ở Việt Nam đã tạo ra nguồn lực di sản văn hoá to lớn cho phát triển (Quỳnh Trang và cộng sự, 2025).

Di sản văn hoá ở Việt Nam gắn với từng địa phương cụ thể. Mỗi địa phương sở hữu di sản văn hoá là sở hữu “kho báu” cho sự phát triển, trong đó có sự phát triển kinh tế. Sự phát triển của di sản văn hoá kéo theo và tạo điều kiện cho phát triển du lịch - ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều địa phương, phát triển đa dạng sinh kế cho người dân, phát triển làng nghề, phát triển các thị trường dịch vụ (ăn ở, đi lại, hàng hoá tiêu dùng,...) và các sản phẩm

đặc trưng của địa phương. Nhìn vào sự phát triển kinh tế ở các khu vực, các vùng miền hiện nay có thể thấy rõ sự đóng góp không nhỏ của nguồn lực di sản văn hoá. Những bảo tàng thu hút đông khách tham quan (như Bảo tàng Dân tộc học ở Hà Nội, Bảo tàng điêu khắc Chăm Đà Nẵng, Bảo tàng cổ vật cung đình Huế,...); Những di sản văn hoá và thiên nhiên không lúc nào vắng khách, thậm chí luôn ở tình trạng quá tải như (như phố cổ Hội An, Vịnh Hạ Long, Danh thắng Tràng An, Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng,...); Những di sản văn hoá phi vật thể luôn có số lượng lớn người tham dự và trải nghiệm (Nghỉ lễ thờ Mẫu, Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, Hội Gióng, Dân ca Quan họ Bắc Ninh, Xoè Thái, Đờn ca tài tử,...) đã mang lại lợi ích kinh tế rõ rệt và góp phần quan trọng vào phát triển tổng thể kinh tế xã hội của địa phương. Ngày càng nhiều các cá nhân, doanh nghiệp, cộng đồng sử dụng di sản văn hoá như nguồn lực quan trọng trong công việc kinh doanh và tạo ra nhiều lợi nhuận, ví như các khu du lịch sinh thái, các resort, khách sạn đưa các di sản văn hoá vào xây dựng, trang trí, kiến trúc cảnh quan hoặc tổ chức các sinh hoạt văn hoá truyền thống thu hút rất đông khách du lịch (như khu du lịch Ko Tam ở Buôn Ma Thuột đã tạo dựng và gìn giữ cả không gian văn hoá Tây Nguyên và sân khấu cồng chiêng với các buổi biểu diễn hàng ngày hay các sân khấu biểu diễn cồng chiêng ở Lạc Dương, Lâm Đồng, Lễ hội văn hoá Sán Dìu tổ chức hàng tuần ở resort Flamingo Đại Lải, Hà Nội, các nét văn hoá của tộc người vùng cao ở Sapa như Hmong, Dao hội tụ tại Hotel de la Coupole-Mgallery,...). Các bảo tàng/sưu tập tư nhân, các chương trình nghệ thuật lớn trưng bày và trình diễn các loại hình di sản văn hoá rất hấp dẫn (như Bảo tàng Áo dài, Tp. Hồ Chí Minh; Bảo tàng gốm sứ mật dịch, Hội An; Bảo tàng tre trúc, Đà Nẵng; Chương trình Tinh hoa Bắc Bộ, Ký ức Hội An, À Ố Show, The Dar,...).

Nhìn vào sự phát triển kinh tế của nhiều địa phương, doanh thu từ du lịch, trong đó nổi bật là du lịch di sản văn hoá chiếm vị trí đáng kể. Phố cổ Hội An được UNESCO ghi danh là di sản văn hoá thế giới năm 1999. Sau 20 năm, năm 2019, lượng khách du lịch tới Hội An ước đạt 5,35 triệu lượt, trong đó khách quốc tế là 4 triệu lượt, riêng doanh thu từ thu vé tham quan phố cổ đã đạt hơn 287 tỷ đồng. Tổng thu từ du lịch chiếm 70% GDP của thành phố. Sau thời kỳ Covid, du lịch Hội An đã nhanh chóng hồi phục, năm 2024 thành phố đã đón 4,4 triệu lượt khách, tổng doanh thu ngành du lịch Hội An ước đạt 5.231 tỷ đồng. Theo đánh giá của lãnh đạo Trung tâm quản lý bảo tồn di sản văn hoá Hội An thì du lịch Hội An đa phần là du lịch di sản văn hoá, bao gồm khu phố cổ, các di tích, di sản văn hoá phi vật thể và các làng nghề (Ủy ban nhân dân Tp. Hội An, 2024). Thành phố Huế cũng là một trường hợp điển hình trong phát triển kinh tế du lịch từ di sản văn hoá. Theo số liệu từ các báo cáo tổng kết của Sở Du lịch thành phố Huế, năm 2024, thành phố này đón 3,9 triệu lượt khách, trong đó 1,45 triệu lượt khách quốc tế, tổng doanh thu từ du lịch ước đạt 7.900 tỷ đồng, điều đáng lưu ý là khoảng 85% du lịch Huế là du lịch di sản văn hoá. Gần đây, Ninh Bình được biết đến là một địa phương phát triển nhanh và mạnh, trong đó du lịch đóng góp một phần đáng kể. Năm 2024, Ninh Bình đón khoảng 8,7 triệu lượt khách (1,5 triệu khách quốc tế), doanh thu từ du lịch đạt trên 9.100 tỷ đồng. Du lịch Ninh Bình cũng chủ yếu là du lịch di sản văn hoá với gần 2.000 di sản văn hoá vật thể, gần 500 di sản văn hoá phi vật thể, trong đó có 3 danh hiệu UNESCO (Sở Du lịch Ninh Bình, 2024). Với Quảng Bình, riêng khu di tích và danh thắng Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, năm 2024 đón 875.000 lượt khách du lịch, doanh thu từ du lịch và dịch vụ đạt 310 tỷ đồng (Ban quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, 2025). Với một địa phương nhỏ như thị xã Nghĩa Lộ, Yên Bái song do có nguồn lực di sản văn hoá là Nghệ thuật Xoè Thái và các loại hình di sản văn hoá khác của người Thái, Kinh, Mường, Tày,... nên thị xã đã phát triển nhanh chóng và dần trở thành “trái tim thứ hai” của tỉnh Yên Bái. Năm 2024, thị xã Nghĩa Lộ đã đón 352.888 lượt khách, doanh thu từ dịch vụ du lịch đạt 317,6 tỷ đồng (Phòng Văn hoá và Thông tin thị xã Nghĩa Lộ,

Yên Bái, 2025). Nghĩa Lộ hiện nay luôn được nhắc đến trong sự gắn kết với các sản phẩm du lịch di sản văn hoá đặc trưng như các màn đại Xoè trong *Lễ hội văn hoá du lịch Mường Lò* hàng năm hay Hội thi *Lung linh vòng Xoè*.

Một số trường hợp điển hình vừa nêu đã cho thấy một thực tế là di sản văn hoá ở khắp các địa phương đã và đang tạo ra nguồn lực to lớn và quan trọng cho phát triển kinh tế, đặc biệt là ngành du lịch, dịch vụ cho từng địa phương và đi cùng với đó là đóng góp chung vào sự phát triển của cả vùng và quốc gia. Việt Nam tiếp tục lần thứ 5 được vinh danh là điểm đến di sản hàng đầu thế giới tại Lễ trao giải thưởng du lịch thế giới năm 2024. Chính những điểm đến di sản văn hoá này đã góp phần to lớn đưa lượng khách du lịch ở Việt Nam năm 2024 là 110 triệu lượt khách nội địa, 17,5 triệu lượt khách quốc tế, tổng thu từ khách du lịch ước đạt khoảng 840 nghìn tỷ đồng (Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, 2024), đóng góp đáng kể vào nền kinh tế đất nước.

Bên cạnh việc trực tiếp tạo ra giá trị kinh tế được đo đếm bằng các con số cụ thể, nguồn lực di sản văn hoá còn tạo ra những hiệu quả kinh tế một cách gián tiếp, khó có thể đo đếm được song lại khá rõ ràng trong thực tế. Di sản văn hoá tạo nên các giá trị như giá trị biểu tượng, giá trị thương hiệu, giá trị gắn kết,... các giá trị này, trong nhiều trường hợp là khởi nguồn, là căn nguyên cho những quyết định đầu tư vào một lĩnh vực, một ngành nghề, một khu vực. Nhiều nhà đầu tư quyết định đầu tư vào một vùng đất vì những ký ức di sản, thương hiệu di sản hay giá trị di sản rất đặc biệt với họ. Ví như câu chuyện về các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào Hưng Yên, bên cạnh các tính toán lợi ích còn có cảm tình với vùng đất có di sản Phố Hiến vang bóng một thời, thậm chí có cả các dự án lớn phục dựng lại Phố Hiến xưa. Không chỉ vậy, các di sản văn hoá cũng có thể là chất liệu khơi nguồn cho sự ra đời và phát triển các sản phẩm văn hoá trong nền kinh tế cảm xúc, kinh tế trải nghiệm, kinh tế hạnh phúc đang phát triển hiện nay. Thêm nữa, khi di sản văn hoá được kích hoạt phát triển tạo ra lợi nhuận kinh tế thì không chỉ di sản ấy phát triển mà còn kéo theo sự thịnh vượng của nhiều ngành nghề liên quan, ví dụ khi các di sản của Yên Bái như Xoè Thái, Lễ hội đèn Đông Cuông, Danh thắng ruộng bậc thang Mù Cang Chải thu hút đông khách du lịch, tạo ra lợi nhuận kinh tế đã kéo theo nhiều ngành nghề khác cũng được phục hồi và phát triển như nghề dệt thổ cẩm, nghề may trang phục truyền thống, nghề làm vàng mã, nghề thêu, nghề làm các loại nhạc cụ và đạo cụ phục vụ nghi lễ, nghề làm các đặc sản ẩm thực của địa phương. Theo các cách như vậy, nguồn lực di sản văn hoá được vận hành một cách linh hoạt và đóng góp vào sự phát triển kinh tế theo nhiều cách khác nhau. Song dù theo cách nào thì nguồn lực di sản văn hoá cũng là một dạng nguồn lực quan trọng và có ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế của một cộng đồng, một quốc gia.

4. Nguồn lực di sản văn hoá trong sự phát triển tích hợp, bao trùm và bền vững

Khi khai thác nguồn lực di sản văn hoá phục vụ cho phát triển kinh tế luôn cần sự đồng bộ của nhiều yếu tố nên sự phát triển kinh tế di sản kéo theo sự phát triển của nhiều lĩnh vực khác như cơ sở hạ tầng, dịch vụ, sự mở rộng giao lưu và gia tăng các dòng chảy hàng hoá, lao động,... tất cả những điều đó tạo ra sự phát triển tích hợp, bao trùm và bền vững.

Nguồn lực di sản văn hoá gắn với sự gia tăng mạnh mẽ nhất của sự phát triển du lịch như đã trình bày và chính sự phát triển du lịch ấy lại đặt ra và tạo động lực cho sự đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng cần thiết phục vụ du lịch như nhà hàng, khách sạn, bãi đậu xe, phương tiện di chuyển, các không gian xanh,... Đặc biệt là các tuyến đường giao thông nhằm kết nối các điểm di sản văn hoá với nhau, kết nối đa hướng đến với khu/điểm di sản và từ di sản. Ví dụ như Ninh Bình xác định rõ mục tiêu phát triển từ di sản văn hoá nên đã đầu tư trọng điểm cho hạ tầng các khu du lịch, đặc biệt là trong Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030,

tầm nhìn đến năm 2050 (Thủ tướng Chính phủ, 04/03/2024) đã chú trọng xây dựng và phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình là ngành kinh tế mũi nhọn, có thương hiệu và hình ảnh riêng gắn với tiềm năng, giá trị Cố đô Hoa Lư và Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới Quần thể danh thắng Tràng An. Từ năm 2019 đến nay, Ninh Bình đã đầu tư vào hàng loạt các dự án xây dựng hạ tầng du lịch di sản văn hoá như: Nạo vét tuyến giao thông thủy Bích Động - Hang Bụt và Thạch Bích - Thung Nắng, Tuyến giao thông Đông - Tây Ninh Bình; Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu du lịch sinh thái Tràng An, xây dựng quảng trường và tượng đài Đinh Tiên Hoàng Đế,... Đi cùng với đó là xây dựng các khu resort, nghỉ dưỡng như: Emeralda Tam Cốc, Minawa Kenhga, Vedana, Cúc Phương resort & Spa, sân golf Tràng An,...² Với Quảng Bình, nhằm phát triển hạ tầng phục vụ khu du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng, tỉnh Quảng Bình đã phê duyệt Đề án “Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng giai đoạn 2021-2030”, tổng vốn đầu tư khoảng 1.253 tỷ đồng với mục tiêu là phát triển hạ tầng du lịch đồng bộ, hiện đại, biến Phong Nha - Kẻ Bàng trở thành trung tâm du lịch quốc gia đạt chuẩn quốc tế, Quảng Bình cũng đã ký kết biên bản ghi nhớ với Công ty Zeta (Hàn Quốc) về việc đầu tư dự án khu vui chơi giải trí đẳng cấp quốc tế tại Phong Nha - Kẻ Bàng, với tổng vốn 4 tỷ USD. Với quy mô của một thị xã nhỏ, nhằm khai thác di sản văn hoá các tộc người, trong đó nổi bật là di sản Xoè Thái, Nghĩa Lộ đã đầu tư trọng điểm vào việc xây dựng các đường giao thông nội thị và liên vùng (như đường tránh quốc lộ 32, đường vành đai Suối Thia, tuyến đường Hoa Ban,...) kết nối các điểm du lịch di sản văn hoá, xây dựng chợ Mường Lò, xây dựng các khu sinh thái nghỉ dưỡng (như Dragonfly Pú Lo), các bản văn hoá,... phục vụ du khách. Cũng nằm trong sự phát triển cơ sở hạ tầng, khai thác kinh tế di sản văn hoá còn kéo theo nhu cầu về sự kết nối các di sản trong tổng thể và kết nối di sản với các công trình văn hoá phụ trợ, như bảo tàng, trung tâm thông tin, công viên, quảng trường, nhà lưu niệm, tượng đài,... Các công trình này không chỉ phục vụ di sản mà còn tạo ra các không gian công cộng có hàm lượng văn hoá cao phục vụ người dân và du khách.

Nguồn lực di sản văn hoá gắn bó chặt chẽ với các cộng đồng - chủ nhân của các di sản văn hoá. Huy động, phát huy nguồn lực này đồng nghĩa với việc huy động, phát huy sự tham gia của cộng đồng. Khi các di sản văn hoá trở thành các điểm đến du lịch, khi hạ tầng liên quan đến di sản và du lịch được đầu tư, khi kinh tế di sản tăng trưởng đã tạo ra nhiều những cơ hội việc làm cho người dân địa phương có di sản, họ tham gia tích cực vào các ngành kinh tế du lịch, dịch vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng, quản lý và bảo trì các công trình,... Bên cạnh đó, việc quản lý và bảo vệ, phát huy di sản luôn cần sự tham gia của cộng đồng địa phương, thực tế đó đã tăng cường sự kết nối và hợp tác giữa các thành viên trong cộng đồng, giữa cộng đồng với các cơ quan nhà nước, các nhà quản lý, nhà doanh nghiệp và du khách. Quá trình huy động nguồn lực di sản trong phát triển kinh tế luôn đi cùng với việc huy động tối đa kho tàng tri thức địa phương nhằm tạo dựng các câu chuyện, xây dựng các sản phẩm văn hoá mang thương hiệu, bản sắc địa phương, bảo vệ và duy trì sự tồn tại bền vững của di sản. Thêm vào đó, năng lực cộng đồng còn được nâng cao khi quá trình phát triển kinh tế di sản luôn đi cùng với quá trình đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ. Nhìn vào các khu du lịch di sản nổi tiếng khắp các vùng miền, có thể thấy rõ sự đóng góp của các cộng đồng địa phương vào sự phát triển kinh tế di sản, không chỉ ở phương diện giá trị kinh tế, cơ sở hạ tầng mà còn ở phương diện tạo việc làm, nâng cao kỹ năng, làm giàu tri thức cho người dân địa phương, ví như Khu du lịch di sản Phong Nha - Kẻ Bàng đã tạo ra 3.000-4.000 việc làm cho người dân địa phương (Võ Văn Trí, Lê Thị Phương Lan, Trương Thị Mỹ Hằng, 2023);

² Thông tin do Sở Văn hoá và Thể thao Ninh Bình cung cấp ngày 25/5/2025.

Khu du lịch di sản Tràng An, Ninh Bình đang tạo sinh kế trực tiếp cho hơn 10.000 người, trong đó lao động là nông dân chiếm 50-60%, riêng những người nông dân làm nghề chèo thuyền đã là 5.000 người với khoảng 1.500 chiếc thuyền chuyên phục vụ du khách đến tham quan khu di sản (Vũ Thượng, 2025); Thị xã Nghĩa Lộ nhỏ bé khi phát triển du lịch di sản văn hoá các dân tộc thiểu số, đặc biệt là di sản Xoè Thái cũng đã tạo việc làm cho khoảng 3.000 lao động địa phương (Phòng Văn hoá và Thông tin thị xã Nghĩa Lộ, Yên Bái, 2025).

Việc vận hành nguồn lực di sản văn hoá trong phát triển còn đi cùng với việc cung cấp tri thức về lịch sử, phong tục, tập quán, giá trị văn hoá liên quan đến di sản văn hoá nói riêng và truyền thống dân tộc nói chung. Những tri thức này được dạy trong trường học, được quảng bá trên các phương tiện truyền thông, sự kiện văn hoá,... khiến cho các thế hệ hiểu về di sản, về văn hoá dân tộc, từ đó yêu quý, trân trọng và tự hào về di sản văn hoá, về quê hương đất nước, có trách nhiệm với việc bảo vệ, phát huy di sản văn hoá, bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái, đa dạng sinh học, môi trường cảnh quan tự nhiên - điều kiện quan trọng cho sự tồn tại bền vững của di sản văn hoá.

Không chỉ như vậy, huy động nguồn lực di sản văn hoá trong phát triển còn thúc đẩy sáng tạo và đổi mới, các nghệ sĩ, các nhà thiết kế, các nhà làm công nghiệp văn hoá thường xuyên lấy cảm hứng từ các di sản văn hoá, dùng di sản văn hoá để tạo dựng các sản phẩm mới mang các thông điệp về cội nguồn, về giá trị văn hoá, giá trị biểu tượng của dân tộc. Các di sản văn hoá xuất hiện ngày càng sinh động và nhiều ý nghĩa trong các sản phẩm sáng tạo về thời trang, ẩm thực, đồ lưu niệm, trong các công trình kiến trúc, các chương trình nghệ thuật, ở các không gian cộng đồng,...

Đặc biệt, gia tăng nguồn lực di sản trong phát triển cũng chính là gia tăng sự gắn kết xã hội và hoà nhập quốc tế. Các di sản văn hoá được tôn vinh trong xã hội cũng là một cách khiến các cộng đồng hiểu rõ hơn giá trị của di sản, tôn trọng di sản của mình và di sản của các cộng đồng khác. Di sản văn hoá dần trở thành phương tiện đối thoại và kết nối giữa các vùng miền, quốc gia. Việt Nam đã xây dựng nhiều sản phẩm du lịch tạo ra sự kết nối giữa các di sản, những “Miền đất di sản”, “Con đường di sản”, “Con đường di sản miền Trung”, “Dòng sông kết nối các di sản”, “Dòng chảy di sản”, “Hành trình di sản”, “Một điểm đến hai di sản văn hoá thế giới”, “Hành trình kết nối các miền di sản”,... Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã xây dựng các hành trình di sản văn hoá xuyên quốc gia như: “Ba quốc gia - một điểm đến”, “Năm quốc gia - một điểm đến”, “Chương trình du lịch xuyên biên giới” (kết nối các di sản văn hoá của Việt Nam với di sản văn hoá của Lào, Campuchia, Trung Quốc). Bên cạnh đó, Việt Nam cũng rất tích cực trong việc tham gia các chương trình, sáng kiến kết nối các di sản thế giới như Cultural Heritage Partnerships, UNESCO World Heritage Programme,... và trong quá trình đầu tư, phát triển các di sản ở Việt Nam, sự hỗ trợ của các chuyên gia, các tổ chức quốc tế là rất lớn. Các di sản như di sản Phong Nha Kẻ Bàng, Thánh địa Mỹ Sơn, Tràng An,... đều ghi dấu ấn rõ nét của quá trình hợp tác quốc tế hiệu quả trong bảo vệ và phát huy giá trị các di sản. Đặc biệt như với các di sản văn hoá cung đình Huế, trong 42 năm tính từ ngày thành lập Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế, Trung tâm đã ký kết thỏa thuận hợp tác với 21 cơ quan, tổ chức quốc tế, đã có 55 chương trình và dự án hợp tác quốc tế về nghiên cứu, trùng tu và đào tạo nguồn nhân lực được triển khai (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2024).

Như vậy, nguồn lực di sản văn hoá không chỉ đóng góp trực tiếp vào sự phát triển kinh tế mà còn có những đóng góp quan trọng khác cho quá trình phát triển như phát triển cơ sở hạ tầng (cả giao thông, cảnh quan và các công trình phụ trợ), huy động được sự tham gia của người dân địa phương và làm giàu có thêm tri thức của họ về di sản nói riêng và văn hoá dân tộc nói chung, thúc đẩy sự sáng tạo và đổi mới, gia tăng đối thoại và các chiều gắn kết xã hội, tạo dựng hoà bình, bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, yêu văn hoá dân tộc. Theo

cách như vậy, nguồn lực di sản văn hoá tạo ra sự phát triển tích hợp, bao trùm và bền vững, trong đó phát triển kinh tế là trung tâm với sự gắn kết hài hoà và song hành với các chiều kích phát triển khác.

5. Kết luận

Việt Nam có đa dạng các loại hình di sản văn hoá và đó là nền tảng vững chắc để tạo dựng nguồn lực di sản văn hoá. Nguồn lực di sản văn hoá ở Việt Nam đã được khai thác và vận hành hiệu quả trong phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế du lịch, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của nền kinh tế đất nước. Với từng di sản, ở từng địa phương, việc huy động nguồn lực di sản trong phát triển kinh tế đã tạo ra những diện mạo khác biệt, sự tăng trưởng kinh tế, sự khang trang của cơ sở hạ tầng, sự ổn định của sinh kế, sự phát triển của các ngành nghề,... đã khiến cho nhiều địa phương có di sản trở nên giàu có và phát triển. Khi nguồn lực di sản được vận hành đúng cách sẽ tạo ra sự phát triển tích hợp, bao trùm và bền vững mà không phải là những sự phát triển nóng, phát triển thiếu đồng bộ. Sự phát triển đó bao hàm sự phát triển kinh tế song hành với bảo vệ môi trường, giữ gìn đa dạng sinh học và đa dạng văn hoá, bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, giáo dục lòng trân quý di sản, làm giàu kho tàng tri thức về di sản, huy động tối đa sự tham gia của người dân vào quá trình phát triển di sản, gia tăng các chiều kết nối, đối thoại, giảm thiểu xung đột, tạo dựng hoà bình và mở rộng sự hợp tác liên vùng, liên quốc gia. Như vậy, nguồn lực di sản văn hoá, nếu được khai thác, vận hành, huy động đúng cách sẽ đưa đến sự phát triển bền vững, nhân văn, giàu bản sắc.

Di sản văn hoá chỉ trở thành nguồn lực cho phát triển khi có sự nhìn nhận đúng về di sản văn hoá và trên cơ sở đó biết cách khai thác, vận hành, bảo vệ và phát huy hợp lý các di sản đó phục vụ cho phát triển. Nếu coi di sản văn hoá là nguồn lực vô hạn để khai thác thì sẽ di sản sẽ nhanh chóng mai một, nguồn lực di sản sẽ rất nhanh cạn kiệt. Nếu chỉ quan tâm khai thác di sản vì lợi ích kinh tế thì di sản sẽ trở thành sản phẩm thương mại thuần túy, các chủ nhân đích thực của di sản bị ngoài lề hoá, môi trường di sản không được quan tâm và nguồn lực di sản sẽ thiếu sự bền vững. Vì vậy, hiểu đúng về di sản văn hoá và nguồn lực di sản văn hoá để đi đến sự hài hoà và chia sẻ trách nhiệm, quyền lợi giữa bảo vệ và khai thác nguồn lực di sản văn hoá trong phát triển là vô cùng cần thiết. Các địa phương sử dụng hiệu quả nguồn lực di sản văn hoá trong phát triển như đã được nêu ở trên đều cho thấy một thực tế rằng vận hành tốt nguồn lực di sản văn hoá sẽ tạo ra nền kinh tế di sản mà nền kinh tế này không chỉ đưa đến lợi nhuận kinh tế một cách trực tiếp mà còn có các dạng lợi nhuận gián tiếp và các nguồn lợi song hành khác mang tính biểu tượng và bản sắc. Song, phát triển nền kinh tế di sản cũng cần chú ý vì nền kinh tế này dựa nhiều vào cảm xúc, trải nghiệm, giá trị, niềm tin và vì vậy việc dung dưỡng, bồi đắp, duy trì các yếu tố đó là rất cần thiết.

Nguồn lực di sản văn hoá là một dạng nguồn lực đặc biệt, vừa tổng hợp, vừa bao trùm, vừa chi phối các dạng nguồn lực khác, chính vì vậy mà nguồn lực di sản văn hoá có vai trò, ý nghĩa to lớn trong phát triển. Xác định được vai trò đó, Đảng và Nhà nước đã ban hành các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch, Đề án,... xác định rõ di sản văn hoá là nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế, phát triển văn hoá và con người Việt Nam (*Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII*), là nguồn lực quan trọng cho phát triển bền vững (*Chiến lược phát triển văn hoá Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hoá Việt Nam, giai đoạn 2021-2025*),... Tuy nhiên, hiện nay, không phải địa phương nào, vùng miền nào có di sản cũng phát huy được tốt nguồn lực di sản trong phát triển kinh tế, nhất là kinh tế di sản. Việc phát huy này cần cả một chiến lược, với tầm nhìn của lãnh đạo, sự hiểu biết đúng và đầy đủ của đội ngũ làm văn hoá, sự tư vấn khoa học của các nhà nghiên cứu, sự nhiệt tình tham gia của người dân, sự

nhập cuộc của các nhà đầu tư, các nhà quản lý và làm chính sách... một chiến lược như vậy sẽ đưa nguồn lực di sản văn hoá vào vị trí trọng tâm của phát triển trong kỷ nguyên mới.

Tài liệu tham khảo

Ban quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. (9/1/2025). *Số liệu từ Báo cáo trình bày trong Hội nghị tổng kết năm 2024 và triển khai nhiệm vụ năm 2025*.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (6/2/2024). Hợp tác quốc tế trong bảo tồn di sản. *Cổng thông tin điện tử*. <https://bvhttdl.gov.vn/hop-tac-quoc-te-trong-bao-ton-di-san-20240205105205171.htm>

Bùi Văn Mạnh. (2020). *Biến đổi văn hoá sinh kế của cư dân tại quần thể danh thắng Tràng An trước tác động của du lịch*. [Luận án Tiến sĩ ngành Văn hoá học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh].

Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam. (26/12/2024). *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2024 và triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2024 và triển khai nhiệm vụ năm 2025*.

Diệp Anh. (14/12/2024). 65 năm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam. *Báo Điện tử Chính phủ*. <https://baochinhphu.vn/65-nam-bao-ve-va-phat-huy-gia-tri-di-san-van-hoa-viet-nam-102241214195042145.htm>

Đoàn Minh Huân. (18/11/2022). Nguồn lực và động lực cho thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện thích ứng an toàn - Nhìn từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh. *Tạp chí Cộng sản điện tử*.

Lê Du Phong. (Chủ biên-2005). *Nguồn lực và động lực phát triển trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*. Nxb. Lý luận chính trị.

Nguyễn Hoàng Hà. (2014). *Nguồn lực và động lực để tái cơ cấu kinh tế, phục hồi tốc độ tăng trưởng*. Trung tâm nghiên cứu kinh tế miền Nam, Viện Chiến lược và phát triển.

Nguyễn Hồng Diên. (2024). Kinh tế di sản trong bối cảnh hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay. Tham luận hội thảo: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về thúc đẩy động lực tăng trưởng mới - góc nhìn từ thực tiễn phát triển kinh tế di sản của tỉnh Quảng Ninh*. Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản, Hội đồng Lý luận Trung ương và Tỉnh ủy Quảng Ninh đồng tổ chức ngày 21/12/2024 tại Quảng Ninh.

Phạm Hồng Tung. (2024). Di sản văn hoá - một nguồn vốn đặc biệt cho phát triển bền vững. Tham luận Hội thảo: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về thúc đẩy động lực tăng trưởng mới - góc nhìn từ thực tiễn phát triển kinh tế di sản của tỉnh Quảng Ninh*. Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản, Hội đồng Lý luận Trung ương và Tỉnh ủy Quảng Ninh đồng tổ chức ngày 21/12/2024 tại Quảng Ninh.

Phòng Văn hoá và Thông tin thị xã Nghĩa Lộ, Yên Bái. (3/2025). *Số liệu được cung cấp cho nhóm nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Văn hoá trong đợt điền dã tại Yên Bái*.

Quốc hội. (29/06/2001). *Luật Di sản văn hóa*. Trích Điều 1.

Quốc hội. (23/11/2024). *Luật Di sản văn hóa*. Trích Điều 3.

Quỳnh Trang, Nhị Thu, Khánh Bách, Giai Thanh, Thế Dương. (2025). Làng nghề trong phát triển kinh tế tư nhân: tiềm năng và cơ hội phát triển. <https://nhandan.vn/special/lang-nghe-trong-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-Tiem-nang-va-co-hoi-phat-trien/index.html>

Sở Du lịch Ninh Bình. (30/12/2024). Kết quả phát triển du lịch năm 2024, định hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2025. <https://sodulich.ninhbinh.gov.vn/vi/tin-tuc-su-kien/ket-qua-phat-trien-du-lich-nam-2024-dinh-huong-nhiem-vu-trong-tam-nam-2025-2021.html>

Thủ tướng Chính phủ. (04/03/2024). *Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04/3/2024 phê duyệt quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.

Ủy ban nhân dân Tp. Hội An. (16/12/2024). *Số liệu báo cáo tại kỳ họp thứ 15 của Hội đồng nhân dân thành phố*.

Võ Văn Trí, Lê Thị Phương Lan, Trương Thị Mỹ Hằng. (2023). Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng: Đảm bảo hài hòa trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị Di sản. *Tạp chí Môi trường*. <https://tapchimoitruong.vn/chuyen-muc-3/vuon-quoc-gia-phong-nha--ke-bang-dam-bao-hai-hoa-trong-cong-tac-quan-ly-bao-ton-va-phat-huy-gia-tri-di-san-28672#>

Vũ Thượng. (15/03/2025). Quần thể danh thắng nào ở Ninh Bình đang tạo việc làm cho 10.000 người, trong đó nông dân chiếm 50%?. <https://danviet.vn/10000-nguoi-co-viec-lam-thu-nhap-tot-tu-danh-thang-trang-an-o-ninh-binh-nong-dan-kiem-50-20250314152641054.htm>